

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 71/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25/8/2023
V/v “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Nhân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền**.
2. Bà **Võ Thị Trâm**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Việt**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Ông **C.V.T**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số 4/152, tổ 3, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

** Bị đơn:* Bà **V.T.H**, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số 166, hẻm 51, đường Trần Phú, khu phố A, phường C, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông C.V.T trình bày:**

Ông và bà V.T.H bắt đầu chung sống từ năm 2008 và đăng ký kết hôn vào 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, vì tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã với nhau và ly thân nhau từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà H.

Ông và bà H chung sống không có con chung. Tài sản chung và nợ chung không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có ai nợ ông và bà H.

*** Bị đơn bà V.T.H trình bày:**

Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông T có tài sản chung là 5.000 m² đất rẫy, tọa lạc tại ấp Tân Tây, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, đất này mua của anh chồng Cao Văn Thanh, mua năm 2009, với giá 125.000.000 đồng. Hiện nay chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà, mà hiện nay cha mẹ chồng bà vẫn còn đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nợ chung: Vợ chồng bà có mượn tiền nhiều người với số tiền 110.000.000 đồng để mua phần đất nêu trên, trong đó mượn của bà Tạ Thị Vui, sinh năm 1961, trú tại tổ 3, ấp Ninh Phú, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với số tiền là 20.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Mỹ Hạnh, sinh năm 1964, trú tại tổ 13, ấp Phước Tân 2, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với số tiền là 30.000.000 đồng; nợ bà Võ Thị Ngoi, sinh năm 1969, trú tại số 376, ấp Long Khương, xã Long Thành Nam, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh với số tiền là 60.000.000 đồng. Khi mượn tiền các bà nêu trên thì không có làm giấy mượn tiền. Nay tài sản chung là phần đất nêu trên bà yêu cầu chia hai mỗi người 1/2. Nợ chung 110.000.000 đồng mỗi người trả 1/2. Không có ai nợ bà và ông T. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông C.V.T và bà Võ Thị Hồng.

Về con chung: Ông T, bà H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: ông T và bà H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Ông T trình bày không có, bà H trình bày có nợ chung nên không đặt ra xem xét.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Ông C.V.T, bà V.T.H có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của ông C.V.T và bà V.T.H thấy rằng: Ông T và bà H bắt đầu chung sống từ năm 2008 và đăng ký kết hôn vào 31/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, vì tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã với nhau và ly thân nhau từ đó đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà ông T và bà H thống nhất thuận tình ly hôn nên cần công nhận.

[3] Về con chung: Ông T và bà H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông T trình bày không có, tại phiên toà bà H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung thấy rằng: Ông T trình bày không có. Bà H trình bày là bà và ông T có nợ của bà Tạ Thị Vui 20.000.000 đồng, bà Nguyễn Kim Hạnh 30.000.000 đồng, bà Võ Thị Ngoi 60.000.000 đồng, khi mượn các bà nêu trên không có làm giấy. Tại phiên toà, bà H yêu cầu ông T có trách nhiệm trả nợ cho bà Vui, bà Hạnh và bà Ngoi. Bà Vui, bà Hạnh có đơn khởi kiện và bà Vui, bà Hạnh đã nhận và ký nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Vui, bà Hạnh không nộp nên không đặt ra xem xét, khi nào bà Vui, bà Hạnh có yêu cầu đòi nợ thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác. Bà Ngoi đã được Toà án triệu tập để làm rõ yêu cầu của bà và bà Ngoi đã nhận giấy triệu tập nhưng không ký nhận, bà Ngoi có đến Toà án để làm việc nhưng không làm thủ tục khởi kiện nên không đặt ra xem xét, khi nào bà Ngoi có yêu cầu đòi nợ thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác. Đó đó, về nợ chung không đặt ra xem xét.

[6] Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **C.V.T** và bà **V.T.H**.

2. Về con chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Ông C.V.T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu 0021121 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông T đã nộp án phí xong.

Ông C.V.T và bà V.T.H có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Tấn Nhân